

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị T và
anh S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Biên

2. Bà Đỗ Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2016/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 645/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2017 Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 1261/TB-TA ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu T, sinh năm 1990; địa chỉ: Đội 4, xã TD, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh S, sinh năm 1989; địa chỉ: Canada. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Thu T trình bày:

Chị Bùi Thị Thu T và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 22 tháng 7 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở Việt Nam được khoảng 3 tuần thì anh S trở về Cannada để làm thủ tục bảo lãnh cho chị T sang sống cùng. Tháng 3 năm 2014 chị T đi phỏng vấn tại Đại sứ quán nhưng bị từ chối, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân và không còn liên lạc gì với nhau. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc chị đề nghị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị T xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh S vắng mặt đã được Tòa án ủy thác tư pháp để tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về thời gian giải quyết vụ án, nhưng đến nay không nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh S.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện cơ bản đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt bị đơn anh S theo đúng quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung khởi kiện: Cuộc sống chung giữa Chị T và anh S không tồn tại, không có sự quan tâm chia sẻ chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Do anh S về Canada và không liên lạc với chị T từ năm 2014 đến nay. Quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 127 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh S là người nước ngoài đang ở Canada nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Việc ủy thác tư pháp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh S Tòa án đã thực hiện đúng theo khoản 2 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh S không có mặt tại phiên tòa và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu T và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 22 tháng 7 năm 2011 theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 103 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Chị T và anh S chung sống với nhau ở Việt Nam được một thời gian ngắn sau đó cuộc sống chung giữa hai bên không tồn tại vì anh S về nước. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không có khả năng đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của Chị T là chính đáng, cần được chấp nhận xử cho Chị T và anh S được ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung và tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm và phí ủy thác tư pháp: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T và anh S được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273, điểm c khoản 5 Điều 477, khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu T và anh S được ly hôn.
2. Về con chung: Chị Bùi Thị Thu T không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thu T không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.
4. Về án phí và phí ủy thác tư pháp:

- Chị Bùi Thị Thu T phải nộp 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng phí ủy thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008480 ngày 28 tháng 7 năm 2016 và 150.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0008638 ngày 02 tháng 11 năm 2016 tại Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và phí ủy thác tư pháp.

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Bùi Thị Thu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy